

Bản án số: 75/2020/HS-PT

Ngày 24 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Châu Văn Mỹ

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Quan Tuấn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 74/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Võ Thanh D cùng các đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Võ Thanh D, Huỳnh V, Bùi Hoàng H và Phạm Văn Đồng T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2020/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Võ Thanh D** (Tên gọi khác: D tiền giả), sinh năm 1975, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành T (đã chết) và bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1949; có vợ tên Bùi Thị B, sinh năm 1974 và 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/02/2003, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 13 năm tù về tội “*Tàng trữ, lưu hành tiền giả*”, (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2019 đến ngày 12/4/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Huỳnh V** (Tên gọi khác: V A), sinh năm 1989, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Dương T, sinh năm 1968; anh, chị, em ruột có 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố bị can ngày 25/12/2019 và đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu, Bộ Công an theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của

Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt bị cáo 15 năm tù về các tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”, (có mặt).

3. Họ và tên: **Bùi Hoàng H**, sinh năm 1982, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn R (đã chết) và bà Huỳnh Thị T (đã chết); có vợ tên Trịnh Mộng Th, sinh năm 1987; có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Phạm Văn Đồng T**, sinh năm 1995, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ; anh, chị, em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu (đã chấp hành xong hình phạt), bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Thanh D: Bà Tạ Nguyệt Thanh và ông Lê Hoàng Nhân là Luật sư của Công ty luật Hợp doanh Tạ Nguyệt Thanh thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt)

- Điều tra viên: Nguyễn Duy Cường (vắng mặt).

- Điều tra viên: Nguyễn Văn Tại (vắng mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Giang C (C M), sinh năm 2000 không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo, nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Giang C và Phạm Văn Đồng T thường đến nhà bị cáo Huỳnh V tại ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu để chơi nên quen biết nhau; còn bị cáo Bùi Hoàng H và bị cáo Võ Thanh D là bạn bè, trước đây bị cáo D biết bị cáo H làm Trưởng Công an xã nên có nhờ tìm mua súng. Bị cáo H đồng ý và nhờ bị cáo T biết ai bán súng thì giới thiệu cho mình.

Khoảng giữa tháng 3/2019, khi bị cáo C đến nhà bị cáo V gặp bị cáo T và nói ông nội mình là ông Nguyễn Minh Th có khẩu súng. Lúc này, bị cáo T hỏi bị cáo C bán khẩu súng không thì bị cáo C đồng ý bán nên bị cáo T đã nói lại cho bị cáo H biết. Khoảng 03 ngày sau, bị cáo C lén lấy khẩu súng đặt trong tủ của nhà ông Th bỏ vào

cái bọc nylon màu đen rồi mang đến nhà Cao Trọng N tại ấp M, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu để cất giấu. Sau đó, bị cáo C điện thoại cho bị cáo V nhờ hỏi bị cáo T việc mua súng thì bị cáo T kêu mang qua nhà bị cáo V.

Bị cáo C điều khiển xe đến nhà N lấy khẩu súng và cùng với Cao Trọng N mang qua nhà bị cáo V. Lúc này, bị cáo T điện thoại cho bị cáo H nói “*anh chạy qua nhà anh V đi, thằng bán súng qua rồi*”, do bị cáo H không biết nhà bị cáo V nên kêu đem khẩu súng qua nhà bị cáo H. Bị cáo T đưa cái bọc đựng khẩu súng cho bị cáo C rồi cả hai điều khiển xe mô tô đến nhà bị cáo H. Đến nơi, bị cáo T, bị cáo C và bị cáo H đi ra sau vườn, bị cáo T đưa khẩu súng cho bị cáo H xem và nói bán với giá 6.000.000 đồng, bị cáo H xem súng trả lời không có tiền, có gì liên lạc sau, nên bị cáo C và bị cáo T ra về và đến nhà bị cáo V, tại nhà bị cáo V xin được xem súng vì từ trước đến nay không thấy súng thật thì được bị cáo C đồng ý cho xem súng và gửi khẩu súng lại tại nhà bị cáo V cho thuận tiện việc mua bán, bị cáo V đồng ý nhận giữ súng và mang súng đi cất.

Ngày hôm sau, bị cáo H điện thoại cho bị cáo D nói “*có người bán khẩu súng với giá 5.000.000 đồng, ông có mua không?*”; bị cáo D đồng ý mua và kêu bị cáo H qua nhà bị cáo D lấy tiền. Sau đó, bị cáo H thỏa thuận với bị cáo C mua khẩu súng với giá 4.000.000 đồng, bị cáo C đồng ý bán khẩu súng với giá 4.000.000 đồng nên bị cáo H điều khiển xe đến nhà bị cáo D lấy 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) rồi cùng bị cáo T qua nhà bị cáo V. Tại đây, bị cáo C, bị cáo V, bị cáo T và bị cáo H lên nhà trước, bị cáo H đưa số tiền 4.000.000 đồng cho bị cáo V, bị cáo V lấy tiền đếm xong đưa lại cho bị cáo C rồi đi ra nhà sau chỉ vào cái cặp da màu đen, đặt dưới gầm bàn để bị cáo H lấy khẩu súng giao cho bị cáo D.

Đối với số tiền bán khẩu súng, bị cáo C trả cho bị cáo Vũ 1.000.000đ tiền nợ trước đó, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 28/3/2019, bị cáo Huỳnh V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P bắt quả tang vì có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, qua làm việc bị cáo V tự nguyện trình báo sự việc mua bán khẩu súng tại nhà của mình.

Đối với bị cáo Bùi Hoàng H, sau khi bị bắt bị cáo H đã điện thoại vào số 0911.442.233 của bị cáo Võ Thanh D kêu bị cáo D giao nộp khẩu súng cho Cơ quan điều tra. Nội dung cuộc nói chuyện giữa bị cáo H và bị cáo D đã được Cơ quan điều tra ghi âm lại và trích xuất, lưu trữ vào USB.

Ngày 05/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Bùi Hoàng H thu giữ 01 cây dao tự chế bằng kim loại, màu đen, dài 80cm, một bề lưỡi, mũi dao nhọn, phần cán dao bằng kim loại, hình tròn, có đường kính 02cm, dài 20cm, phần lưỡi dao dài 60cm, rộng 05cm; 01 bán súng bằng gỗ, chiều dài 74 cm, không có đạn, không có hộp tiếp đạn, không có nòng súng.

Ngày 07/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P khám xét khẩn cấp chỗ ở của Võ Thanh D thu giữ một viên đạn bằng kim loại, dài 2,3cm, đầu đạn bằng chì, màu đen dài 0,8cm, thân đạn màu vàng đồng dài 1,5cm, đường kính

viên đạn rộng 0,5cm; 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, có gắn ốp lưng màu nâu và sim số 0889956727.

Ngoài ra, bị cáo H còn giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và một sim Vinaphone 4G bị gãy làm đôi; bị cáo D giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu I Phone 6, màu vàng đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 2022/C09B ngày 09/4/2019, của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Khẩu súng ngắn gửi giám định là vũ khí quân dụng, thuộc loại súng ngắn bán tự động Colt M1911A1 (hay Colt 45), xuất xứ Mỹ, cỡ nòng 11,43mm, bắn đạn cỡ (11,43x23mm), sử dụng để tiêu diệt mục tiêu trong phạm vi 50m.*”

- *Viên đạn gửi giám định là vũ khí quân dụng, còn sử dụng được, thuộc loại đạn cỡ (5,6x15)mm, dùng cho một số loại súng cỡ nòng 5,6mm như: súng quân dụng, súng thể thao, súng tự chế, súng bút.*”

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố các bị cáo Võ Thanh D, Huỳnh V về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; các bị cáo Nguyễn Giang C, Bùi Hoàng H và Phạm Văn Đồng T về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại Quyết định số 01/QĐ-VKS-P1 ngày 25/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện P thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử đối với vụ án “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh D (D tiền giả), Huỳnh V (V A) phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; các bị cáo Nguyễn Giang C (C M), Bùi Hoàng H và Phạm Văn Đồng T phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thanh D 2 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh V 2 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng H 1 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Giang C 1 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đồng T 1 năm 6 tháng tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2020 bị cáo Huỳnh V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 10/8/2020 bị cáo Bùi Hoàng H và bị cáo Phạm Văn Đồng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 10/8/2020 bị cáo Võ Thanh D kháng cáo xác định bị cáo không phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên, không đồng ý với những chứng cứ mà cấp sơ thẩm làm căn cứ để buộc tội bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Lời khai nhận tội của các bị cáo T, H và V tại phiên tòa phúc thẩm có đủ căn cứ để xác định hành vi của các bị cáo phạm tội như Cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị cáo D, mặc dù không thừa nhận có việc mua súng của bị cáo H, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như lời khai nhận tội của bị cáo D, bản tự khai, biên bản xác định tang vật thì có đủ căn cứ để xác định bị cáo D đã mua súng của bị cáo H. Quá trình điều tra, tuy có sai sót nhưng những sai sót đã được Điều tra viên có văn bản giải trình, nên việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, không truy tố, xét xử oan cho các bị cáo. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo V tự khai báo chứng kiến việc mua bán súng giữa bị cáo H và bị cáo C tại nhà mình, từ lời khai của bị cáo mà cơ quan điều tra đã phát hiện ra hành vi phạm tội của các bị cáo, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự thú” cho bị cáo V là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, H và T, chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm giảm cho bị cáo V từ 03 đến 06 tháng tù. Bị cáo Huỳnh V đang chấp hành Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu với mức án 15 năm tù, do đó cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phần lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền yêu cầu thi hành án là thừa, nên cần sửa phần này của án sơ thẩm.

Các bị cáo H, V và T thừa nhận hành vi phạm tội nên không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo V không thừa nhận hành vi mua bán súng với bị cáo H và C, bị cáo xác định bị cáo chỉ cất giữ khẩu súng tại nhà bị cáo một ngày, mặc dù bị cáo có chứng kiến việc mua bán súng giữa H và C, nhưng bị cáo không được lợi gì từ việc mua bán súng, bị cáo cũng không tham gia hay được phân công vai trò gì trong việc mua bán súng, nên xử bị cáo tội mua bán súng là không đúng.

Bị cáo D tự bào chữa. Bị cáo không nhờ H mua súng và cũng không nhận súng của bị cáo H, giữa bị cáo và bị cáo H có mối quan hệ quen biết, bị cáo H thường vay, mượn tiền của bị cáo và thế chấp tài sản, khi giao dịch không có làm giấy tờ biên nhận, có lần bị cáo H đến nhà bị cáo mượn 5.000.000đ nhưng khi ra về có để quên lại bọc đồ đựng trong bọc ni lông màu đen, bị cáo không mở ra xem mà mang cất đề khi nào H đến lấy thì bị cáo trả lại, sau đó bị cáo H

có gọi điện thoại lấy bọc đồ thì bị cáo mang ra trả, nhưng không gặp bị cáo H nên bị cáo bỏ vào sọt rác tại chợ đối diện nhà bị cáo, sau đó H hay ai đến lấy bị cáo không biết, sau đó Công an huyện P mời vợ chồng bị cáo lên làm việc và đưa bản ảnh là khẩu súng cho bị cáo xem, Điều tra viên Cường kêu bị cáo thừa nhận khẩu súng trong ảnh đúng là của bị cáo thì sẽ cho vợ bị cáo về, vì vợ bị cáo bị bệnh tim nên bị cáo ký thừa nhận khẩu súng trong ảnh là của bị cáo và có những lời khai có nhận súng của H để vợ bị cáo được về. Do bị cáo không nhờ H mua khẩu súng hay nhận khẩu súng của H nên sau đó bị cáo thay đổi lời khai cho đúng sự thật.

Ý kiến phát biểu tranh luận và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thanh D: Trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét hành vi tàng trữ trái phép khẩu súng của ông Nguyễn Minh Th là bỏ lọt người phạm tội, vì hành vi tàng trữ súng của ông Nguyễn Minh Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Đối với đối tượng Cao Trọng N, Trần Minh K, Trịnh Quốc T, Phạm Văn Đ trực tiếp chứng kiến việc mua bán súng giữa C với H tại nhà bị cáo V và N nhận cất giữ súng cho bị cáo C trước khi bị cáo C cùng N mang súng sang nhà bị cáo V để bị cáo T và bị cáo C mang qua nhà cho bị cáo H xem súng, nhưng không xem xét là bỏ lọt hành vi phạm tội, người phạm tội.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên chưa đưa ra được chứng cứ để chứng minh bị cáo D có hành vi “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”. Mặc dù lời khai ban đầu, cũng như bản tự khai bị cáo D thừa nhận việc mua súng, nhưng sau đó bị cáo D thay đổi lời khai không thừa nhận việc có mua súng của bị cáo H và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo xác định do bị Công an mời cả hai vợ chồng bị cáo lên Công an huyện làm việc, Điều tra viên kêu bị cáo nhận tội thì mới cho vợ bị cáo về, do vợ bị cáo bị bệnh tim nên bị cáo mới nhận có việc mua súng của bị cáo H để vợ bị cáo được về. Như vậy, Cơ quan điều tra phải chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo D, vì khoản 2 Điều 98 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định “Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án; Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội”. Những chứng cứ mà cơ quan điều tra dùng làm căn cứ buộc tội bị cáo D không được thu thập đúng quy định pháp luật, cụ thể:

Chứng cứ thứ nhất là lời khai của bị cáo H, nhưng trong quá trình điều tra, bị cáo H có nhiều lời khai không thống nhất với nhau, lúc đầu bị cáo H xác định đến nhà Dũng lấy 5.000.000đ sau đó đi mua súng về giao cho bị cáo D trên đường Quản Lộ Phụng Hiệp gần quán 52, sau đó bị cáo H khai sau khi mua súng xong, bị cáo mang súng đến nhà của bị cáo D và giao súng tại nhà bị cáo D, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H xác định các lời khai giao súng tại nhà bị cáo D là do Điều tra viên yêu cầu khai để khớp với lời khai của bị cáo D. Như vậy, đâu là sự thật của việc giao dịch mua bán súng giữa bị cáo H và bị cáo D, quá trình điều tra chưa được điều tra làm rõ thời gian, địa điểm mua bán súng, giao súng, nên chưa có căn cứ để xác định bị cáo D phạm tội.

Chứng cứ thứ hai là biên bản kiểm tra vật chứng được lập ngày 08/4/2018 trong khi sự việc mua bán súng xảy ra năm 2019, nên về mặt thời gian tiến hành tố tụng đã không phản ánh được sự thật khách quan của quá trình tố tụng, hơn nữa nội dung biên bản chỉ thể hiện bị cáo nhìn tang vật qua hình ảnh để xác định khẩu súng mà bị cáo H bán và giao cho bị cáo, trong khi Cơ quan điều tra đang quản lý khẩu súng nhưng tại sao không đưa ra cho bị cáo xác định, khẩu súng trong hình ảnh đưa cho bị cáo D xem có đúng là khẩu súng của bị cáo H mua của bị cáo C không, căn cứ nào để xác định là một, căn cứ nào để xác định khẩu súng bị cáo H lấy ở sọt rác với cây súng trong hình là một, vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H xác định khi Công an chở bị cáo đi lấy súng trong sọt rác ở chợ Q thì không lập biên bản, không niêm phong vật chứng. Như vậy, căn cứ nào để xác định khẩu súng bị cáo H giao nộp lúc 20 giờ ngày 06/4/2019 với cây súng thu ở sọt rác trước nhà bị cáo D là một, trong khi các biên bản kiểm tra vật chứng xác định súng loại K54, còn kết luận giám định là Colt 45, căn cứ nào để chứng minh cây súng trong sọt rác là của bị cáo H đưa cho bị cáo D và do bị cáo D bỏ vào sọt rác, trong khi sọt rác đặt ngay chợ. Tại khu vực chợ, có bao nhiêu sọt rác, bị cáo H lấy khẩu súng từ sọt rác nào, lý do tại sao khi tổ chức lấy súng không lập biên bản, không niêm phong cũng chưa được điều tra làm rõ.

Chứng cứ thứ ba là biên bản giao vật chứng lập lúc 20 giờ 00 phút ngày 06/4/2019, theo biên bản thì vật chứng là cây súng đã được bị cáo H giao nộp, nhưng quá trình điều tra thể hiện Cơ quan điều tra huyện P có kế hoạch tổ chức thu súng được thực hiện lúc 21 giờ 56 phút ngày 06/4/2019 nội dung ghi trong biên bản giao nộp súng do bị cáo H tự nguyện giao nộp để hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không thể hiện khẩu súng do bị cáo D đang quản lý thì căn cứ nào để có kế hoạch lấy súng từ nhà bị cáo D, kế hoạch lấy súng được Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra ký lúc nào trong khi tại lời khai của bị cáo H, cũng như giải trình của Điều tra viên xác định 21 giờ ngày 06/4/2019 bị cáo H mới khai khẩu súng đang do bị cáo D cất giữ, nếu điều tra viên giải trình do nhìn đồng hồ cá nhân chạy không đúng giờ nên ghi sai giờ trong biên bản, vậy nội dung ghi trong biên bản không thể hiện khẩu súng được thu tại sọt rác trước nhà bị cáo D mà ghi bị cáo H tự nguyện giao nộp khẩu súng. Như vậy, nội dung ghi trong biên bản giao nộp súng, thời gian lập biên bản và tổ chức đi lấy súng có sự mâu thuẫn nhau, chưa có căn cứ để xác định khẩu súng do bị cáo H nộp với cây súng thu tại sọt rác là một, vì theo biên bản giao nộp khẩu súng (BL 577) thể hiện cây súng đã được giao nộp và niêm phong trước khi tổ chức đi thu hồi. Lý do tại sao khi đi thu hồi súng có kế hoạch, phương tiện, cán bộ đi thu hồi nhưng không lập biên bản niêm phong vật chứng để làm căn cứ xác định vật chứng thu giữ là khẩu súng, quá trình bảo quản, mang súng từ nơi thu giữ đến Cơ quan điều tra Công an huyện P như thế nào không được Cơ quan điều tra thực hiện đúng quy định tại Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chứng cứ thứ tư là đoạn ghi âm cuộc đàm thoại giữa bị cáo H và bị cáo D. Quá trình điều tra Điều tra viên đưa điện thoại cho bị cáo H gọi cho bị cáo D để thu súng lúc 21 giờ 56 phút và 21 giờ 59 phút cùng ngày 06/4/2019. Tuy

nhiên, sau khi ghi âm thì điện thoại không được niêm phong, bảo quản theo quy định mà đến ngày 08/4/2019 mới niêm phong điện thoại, trong khoảng thời gian đó ai bảo quản điện thoại có chứa hai đoạn ghi âm, quá trình điều tra chỉ trích xuất một đoạn ghi âm, vậy còn một đoạn ghi âm sao không trích xuất, không tiến hành giám định đoạn ghi âm có bị cắt ghép không thì không thể dùng làm chứng cứ để buộc tội cho bị cáo D, hơn nữa đoạn ghi âm cũng không thể hiện nội dung nào bị cáo H bán súng hay giao súng cho bị cáo D hay bị cáo D nhờ bị cáo H mua súng.

Như đã phân tích, quá trình điều tra chưa có chứng cứ chứng minh bị cáo D có nhờ bị cáo H mua súng và cũng không có chứng cứ để chứng minh thời gian, địa điểm mà bị cáo H giao súng cho bị cáo D, các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa phản ánh được sự thật khách quan của vụ án cũng như quá trình điều tra. Việc báo cáo giải trình những sai sót của Điều tra viên không phải là căn cứ để xác định những sai sót của quá trình điều tra là đúng, vì khoản 2 Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định “Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố bị cáo Võ Thanh D không phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Huỳnh V, Bùi Hoàng H và Phạm Văn Đồng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ. Riêng bị cáo Võ Thanh D không thừa nhận hành vi phạm tội, theo lời khai của các bị cáo V, H và T thì có cơ sở để xác định khoảng giữa tháng 3/2019 tại nhà bị cáo V thuộc ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu xảy ra việc mua bán 01 khẩu súng giữa bị cáo H với các bị cáo C, V và T. Tại Bản kết luận giám định số: 2022/C09B ngày 09/4/2019, của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an, tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Khẩu súng ngắn gửi giám định là vũ khí quân dụng, thuộc loại súng ngắn bán tự động Colt M1911A1 (hay Colt 45), xuất xứ Mỹ, cỡ nòng 11,43mm, bắn đạn cỡ (11,43x23mm), sử dụng để tiêu diệt mục tiêu trong phạm vi 50m*”.

[2] Xét quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan cảnh sát điều tra, theo lời khai của bị cáo V tại phiên tòa xác định, ngày 23/3/2019 bị cáo bị bắt về hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, qua lời khai của K, D thì Cơ quan điều tra mới làm việc với bị cáo về việc mua bán súng nên bị cáo mới khai có chứng kiến việc mua bán súng tại nhà bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

trong quá trình thu thập chứng cứ, thu giữ vật chứng của vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cụ thể:

[2.1] Theo biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật... (BL 577) được lập lúc 20 giờ 00 phút, ngày 06/4/2019, tại trụ sở Công an huyện P, thể hiện nội dung bị cáo H giao nộp cho Điều tra viên Nguyễn Duy Cường 01 (một) khẩu súng loại súng ngắn, chiều dài của súng là 21cm và mô tả hình dạng khẩu súng, ý kiến trình bày của bị cáo H lúc giao nộp súng xác định nguồn gốc khẩu súng do bị cáo mua của bị cáo C tại nhà bị cáo V, đến ngày 06/4/2019 được sự đồng ý của Điều tra viên, nên bị cáo tự nguyện giao nộp lại khẩu súng để nhận được sự khoan hồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo nội dung trình bày của bị cáo H ghi trong biên bản giao nộp súng thể hiện khẩu súng bị cáo H đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra lúc 20 giờ ngày 06/4/2019 kết thúc lúc 20 giờ 40 phút ngày 06/4/2019, biên bản niêm phong đồ vật lập lúc 20 giờ 45 phút ngày 06/4/2019 kết thúc lúc 21 giờ 00 phút ngày 06/4/2019. Tuy nhiên, theo lời khai của bị cáo H thể hiện Điều tra viên đưa điện thoại cho bị cáo H để gọi cho bị cáo D và tổ chức ghi âm cuộc gọi lúc 21 giờ 56 phút và 21 giờ 59 phút ngày 06/4/2019 sau đó mới tiến hành đi lấy súng, rõ ràng có sự mâu thuẫn về mặt thời gian tiến hành tố tụng, theo lời khai của bị cáo H và giải trình của Điều tra viên, đến 21 giờ ngày 06/4/2019 bị cáo H mới khai khẩu súng do bị cáo D cất giữ, nên Điều tra viên với làm kế hoạch đi thu hồi súng. Như vậy, ngoài việc mâu thuẫn về thời gian nộp súng với thời gian đi thu hồi súng thì nội dung ghi trong biên bản giao nộp súng cũng có sự mâu thuẫn, biên bản thể hiện bị cáo H tự nguyện giao nộp khẩu súng, nhưng qua lời khai của bị cáo H và kế hoạch thu hồi súng của Cơ quan Cảnh sát điều tra thì đây là sự thật của việc giao nộp súng, do bị cáo H tự nguyện giao nộp hay khẩu súng được tổ chức thu hồi giao nộp, sự mâu thuẫn này quá trình điều tra chưa được chứng minh làm rõ.

[2.2] Xét báo cáo giải trình của Điều tra viên về việc ghi sai giờ trong biên bản nhận tài liệu đồ vật và sai năm biên bản kiểm tra vật chứng (BL 276, 577) do khi làm việc nhìn vào đồng hồ đeo tay của cá nhân, nhưng do đồng hồ chạy không đúng giờ dẫn đến việc ghi sai thời gian và do đánh máy nhầm phím 9 thành phím 8 là không có cơ sở để chấp nhận, vì sự việc tiến hành tố tụng xảy ra ngày 6/4/2019 nhưng đến ngày 12/8/2019 sau khi hồ sơ được chuyển cho Cơ quan an ninh Điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu thì Điều tra viên mới có báo cáo giải trình. Như vậy, đến khi nào Điều tra viên mới phát hiện đồng hồ đeo tay cá nhân của mình chạy không đúng giờ và thời gian tiến hành tố tụng sau đó có đảm bảo đúng sự thật khách quan về mặt thời gian tiến hành tố tụng không, trong khi Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *Biên bản ghi rõ địa điểm, giờ, ngày, tháng, năm tiến hành tố tụng, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc, nội dung của hoạt động tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hoặc người liên quan đến hoạt động tố tụng, khiếu nại, yêu cầu hoặc đề nghị của họ; Biên bản phải có chữ ký của những người mà Bộ luật này quy định. Những điểm sửa chữa, thêm, bớt, tẩy xóa trong biên bản phải được*

xác nhận bằng chữ ký của họ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận báo cáo giải trình của Điều tra viên.

[2.3] Theo kế hoạch số 11/KH-(CSĐT) ngày 06/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P phân công lực lượng, phương tiện, kinh phí để tổ chức đi thu hồi súng là vật chứng để làm căn cứ xác định có hay không có hành vi phạm tội đối với bị cáo D, nhưng khi tiếp cận, thu giữ súng tại sọt rác đặt tại chợ Q đối diện nhà bị cáo D thì không tiến hành lập biên bản thể hiện thời gian, địa điểm, dấu vết, đặc điểm của khẩu súng và không tiến hành niêm phong vật chứng, không có người chứng kiến và quá trình vận chuyển, bảo quản vật chứng như thế nào là vi phạm Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định *“Vật chứng phải được thu thập kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng vào biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp vật chứng không thể đưa vào hồ sơ vụ án thì phải chụp ảnh, có thể ghi hình để đưa vào hồ sơ vụ án. Vật chứng phải được niêm phong, bảo quản theo quy định của pháp luật”*. Theo biên bản giao nộp súng được lập lúc 20 giờ 00 phút ngày 06/4/2019, đến 20 giờ 45 phút ngày 06/4/2019 khẩu súng đã được niêm phong. Như vậy, quá trình điều tra chưa làm rõ khẩu súng bị cáo H giao nộp do bị cáo H lấy từ đâu và quá trình thực hiện kế hoạch thu hồi khẩu súng được tiến hành như thế nào chưa được điều tra làm rõ.

[2.4] Theo biên bản kiểm tra thông tin điện thoại của bị cáo Võ Thanh D được lập lúc 14 giờ 40 phút ngày 08/4/2019 thể hiện 01 cuộc gọi từ số điện thoại 0946580080 (là số điện thoại và máy điện thoại do Điều tra viên đưa cho bị cáo H) gọi vào điện thoại của bị cáo D 0911442233 lúc 21 giờ 56 phút ngày 06/4/2019, thời lượng cuộc gọi 01 phút; 01 cuộc gọi từ số điện thoại 0946580080 gọi vào điện thoại của bị cáo D 0911442233 lúc 21 giờ 59 phút ngày 06/4/2019, thời lượng cuộc gọi 01 phút. Tuy nhiên, đến 13 giờ 30 phút ngày 08/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P mới tiến hành trích xuất cuộc gọi từ máy điện thoại chứa sim số 0946580080 gọi vào máy bị cáo D. Như vậy, trong hai ngày từ ngày 06/4/2019 đến ngày 08/4/2019 máy điện thoại có lưu cuộc gọi này ai quản lý và quản lý như thế nào, máy điện thoại dùng để ghi âm cuộc gọi tại sao không được thu giữ, niêm phong và việc trích xuất cũng như bảo quản, không được Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự về thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử.

[2.5] Theo biên bản trích xuất đoạn ghi âm lập lúc 13 giờ 30 phút ngày 08/4/2019 thể hiện độ dài đoạn ghi âm đều là 01 phút 30 giây, trong khi trong biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo D có 02 cuộc đàm thoại đều chỉ 01 phút, sự khác nhau về thời gian đàm thoại trong máy điện thoại của bị cáo D và trong máy điện thoại dùng để ghi âm quá trình điều tra chưa được làm rõ. Lời khai ngày 06/02/2020 (BL 1584) bị cáo H xác định bị cáo dùng điện thoại của cán bộ Công an để gọi cho bị cáo D tại trụ sở Công an huyện P 01 cuộc lúc 21 giờ ngày 06/4/2019 và khi đến nhà bị cáo D gọi thêm một cuộc nữa để hỏi bị cáo D nơi để khẩu súng. Như vậy, có sự mâu thuẫn về thời gian, địa điểm bị cáo H thực hiện

cuộc gọi, đoạn ghi âm được trích xuất theo biên bản lập ngày 08/4/2019 là đoạn ghi âm lúc 21 giờ 56 phút hay lúc 21 giờ 59 phút cũng không thể hiện rõ, còn 01 đoạn ghi âm chứa đựng nội dung gì lý do tại sao không trích xuất cũng cần phải được làm rõ để xác định đầy đủ các nội dung đàm thoại giữa bị cáo D và H. Quá trình điều tra không tiến hành niêm phong bảo quản máy điện thoại có đoạn ghi âm, sau khi trích xuất đoạn ghi âm không tiến hành trưng cầu giám định đoạn ghi âm thu giữ được để xác định đoạn ghi âm có bị cắt ghép hay không. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có trả hồ sơ để Cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, làm rõ nhưng không được chấp nhận là chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.6] Đối với kết luận giám định. Theo biên bản giao khẩu súng lập lúc 07 giờ 30 ngày 09/4/2019 giữa bên giao là Huỳnh Hữu Thanh thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra và bên nhận là Phan Xuân Tân thuộc C09B, nhưng tại kết luận giám định số 2022/C09B ngày 09/4/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh, thể hiện tiến hành giám định khẩu súng theo quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bạc Liêu từ ngày 08/4/2019 đến ngày 08/4/2019. Như vậy, việc Cơ quan giám định khẩu súng tiến hành giám định khi chưa nhận được khẩu súng của Công an huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Mặc dù, tại công văn số 438/C09B ngày 21/9/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh giải thích do sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản, nên thời gian ghi trong kết luận được đính chính giám định từ ngày 09/4/2019 đến ngày 09/4/2019 và không cung cấp được hồ sơ giám định. Xét thấy, kết quả giám định là căn cứ để giải quyết vụ án, nhưng việc đính chính của Cơ quan giám định không có căn cứ để chấp nhận, mà cần phải điều tra làm rõ thời gian giao nhận khẩu súng cần giám định với thời gian mà giám định viên tiếp nhận khẩu súng để tiến hành giám định.

[2.7] Xét lời khai của bị cáo D. Tại các lời khai ngày 08/4/2019 (BL 636), ngày 11/4/2019 (BL 640), bản tự khai ngày 8/4/2019, ngày 11/4/2019 (BL 451, 448) bị cáo D xác định bị cáo H mang súng đến bán cho bị cáo, sau khi xem súng xong, bị cáo đồng ý mua nên trả tiền cho H và nhận súng mang đi cất; các lời khai ngày 13/4/2019 (BL 1526) bị cáo D xác định bị cáo H điện thoại hỏi bị cáo mua súng không, bị cáo đồng ý mua thì bị cáo H đến nhận tiền sau đó giao súng cho bị cáo, các lời khai ngày 16/7/2019, 03/12/2019 (BL 1538, 1568) và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo D đều xác định bị cáo H có đến nhà bị cáo mượn 5.000.000đ sau khi ra về bị cáo H để quên lại 01 bọc đen nên bị cáo mang đi cất không biết bên trong bọc đựng gì, bị cáo không thừa nhận có việc mua súng của bị cáo H hay nhờ bị cáo H tìm mua súng giúp. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định “Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án; không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội”. Do đó, cần phải xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án để xác định hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.8] Xét lời khai của bị cáo H. Tại lời khai ngày 05/9/2019 bị cáo H không thừa nhận có hành vi mua súng của bị cáo C và bán súng cho bị cáo D, lời khai các ngày 06/4/2019, ngày 08/4/2019, ngày 12/4/2019 (các BL 622, 632, 1520) bị cáo H xác định đến nhà bị cáo D lấy 5.000.000đ sau đó đến nhà bị cáo V mua súng của bị cáo C, nhận súng xong bị cáo mang súng đi giao cho bị cáo D, trên đường đến nhà bị cáo D, bị cáo gọi điện thoại hẹn bị cáo D chạy lên Quán Lộ Phụng Hiệp đoạn gần quán 52 giao súng, lúc đi nhận súng bị cáo D chạy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, các lời khai ngày 08/10/2019, ngày 06/11/2019, ngày 06/02/2020 (các BL 1544, 1559, 1586) bị cáo H xác định sau khi mua súng từ nhà bị cáo V xong, bị cáo mang súng đến nhà bị cáo D và giao súng cho bị cáo D tại nhà bị cáo D. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H xác định việc thay đổi lời khai giao súng tại nhà bị cáo D là theo yêu cầu của Điều tra viên để khớp với lời khai của bị cáo D.

Như vậy, theo lời khai của bị cáo D có sự mâu thuẫn với nhau, nhưng chưa điều tra làm rõ vì sao có sự khác biệt lúc đầu thừa nhận hành vi phạm tội mua bán súng với bị cáo H, nhưng sau đó thay đổi lời khai không thừa nhận có hành vi mua súng của bị cáo H. Lời khai của bị cáo H cũng có sự bất nhất, có lúc khai giao súng cho bị cáo D trên Quán lộ Phụng Hiệp đoạn gần quán 52, có lúc khai giao súng cho bị cáo D tại nhà bị cáo D. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra không tiến hành đối chất giữa bị cáo D và bị cáo H để xác định đâu là sự thật của lời khai về thời gian, địa điểm bị cáo H giao khẩu súng cho bị cáo D để làm căn cứ giải quyết vụ án. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã có trả hồ sơ đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành đối chất nhưng không được chấp nhận, việc không đối chất giữa bị cáo H và bị cáo D là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét hành vi của các bị cáo Huỳnh V, Phạm Văn Đồng T và bị cáo Bùi Hoàng H. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bị cáo T, bị cáo H đã có hành vi vận chuyển khẩu súng từ nhà bị cáo V đến nhà bị cáo H và bị cáo H có hành vi vận chuyển khẩu súng từ nhà bị cáo V đi nơi khác, bị cáo C đã có hành vi lấy trộm khẩu súng, vận chuyển khẩu súng từ nhà ông Th đến nhà Cao Trọng N và từ nhà Cao Trọng N đến nhà bị cáo V, đối với bị cáo V có hành vi tàng trữ trái phép khẩu súng tại nhà bị cáo, nhưng quá trình điều tra, truy tố chưa xem xét, xử lý các hành vi nêu trên của các bị cáo là chưa xử lý triệt để vụ án.

[4] Đối với ông Nguyễn Minh Th đã có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng trong thời gian dài, hành vi của ông Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tại các lời khai của ông Th trong quá trình điều tra từ tháng 4/2019 đến tháng 02/2020 đều xác định sức khỏe ông Th bình thường, đầu óc minh mẫn, tinh táo, đảm bảo sức khỏe để cung cấp lời khai. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Cơ quan an ninh điều tra căn cứ vào kết quả giám định số 136/BB-GĐYK ngày 20/12/2019 của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Bạc Liêu kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Th là 98%, bản thân ông Th là người có công cách mạng, có cha là liệt sĩ, để không xem xét xử lý. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ đề nghị xem xét, xử lý hành vi của ông Th,

nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng không chấp nhận xử lý là bỏ lọt người phạm tội.

[5] Đối với các đối tượng Cao Trọng N, Trần Minh K, Trịnh Quốc T, Phạm Văn Đ có các lời khai (BL 454, 456, 457, 494, 496, 598, 601) thừa nhận có chứng kiến việc bị cáo C cho bị cáo H xem khẩu súng và chứng kiến việc mua bán khẩu súng giữa bị cáo C và bị cáo H, lời khai của các bị cáo C, V, T xác định khi giao dịch có các đối tượng trên chứng kiến, nhưng quá trình điều tra không xem xét hành vi không tố giác tội phạm của các đối tượng T, K, Đ và N. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm có trả hồ sơ đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng xem xét xử lý, nhưng không được chấp nhận xem xét, xử lý là chưa giải quyết triệt để vụ án.

[6] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được và có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội, người phạm tội nên cần hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

[7] Đối với kháng cáo của các bị cáo D, T, H và V. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cần phải hủy án để điều tra lại theo quy định pháp luật, nên cấp phúc thẩm chưa có căn cứ để xem xét kháng cáo của các bị cáo.

[8] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo D xác định cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ lọt hành vi phạm tội, người phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Thanh D không phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư về những vi phạm tố tụng cũng như bỏ lọt hành vi phạm tội, người phạm tội của cấp sơ thẩm. Do quá trình điều tra, truy tố đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên cấp phúc thẩm chưa có căn cứ để chấp nhận đề nghị của Luật sư tuyên bố bị cáo Võ Thanh D không phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo V, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, T và H, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích thì đề nghị của Kiểm sát viên chưa phù hợp pháp luật, nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 260; điểm c khoản 1 Điều 355, các điểm a, b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu để giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Các bị cáo Võ Thanh D, Bùi Hoàng H, Huỳnh V và Phạm Văn Đồng T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (kèm hồ sơ);
- VKSND huyện P (01b);
- Phòng HS nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện P (02b);
- CQĐT huyện P (01b);
- Cơ quan THA HS huyện P (01b);
- Chi cục THADS huyện P (01b);
- Sở Tư pháp (01b);
- Các bị cáo (05b);
- Các Luật sư (02b)
- Lưu:HS, THCTP, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn